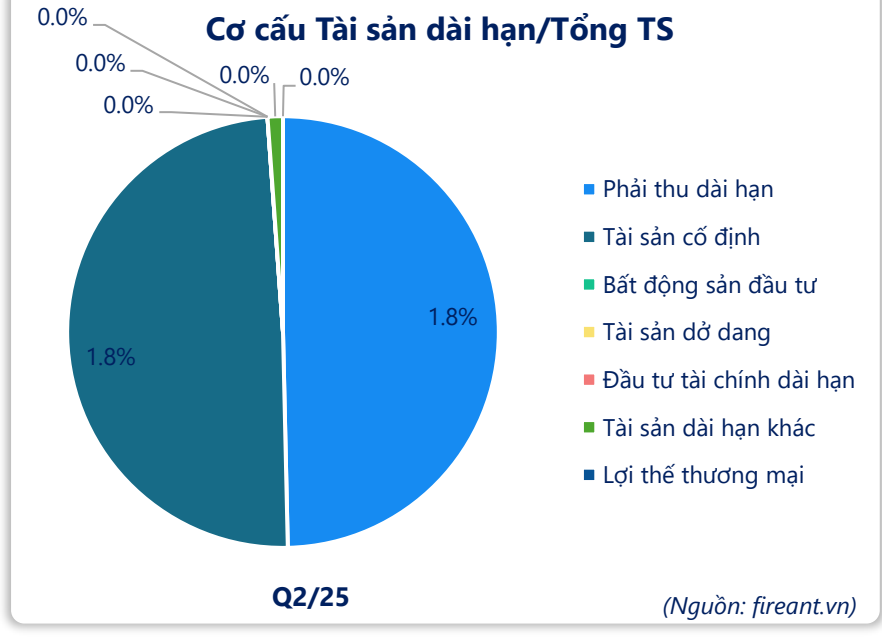
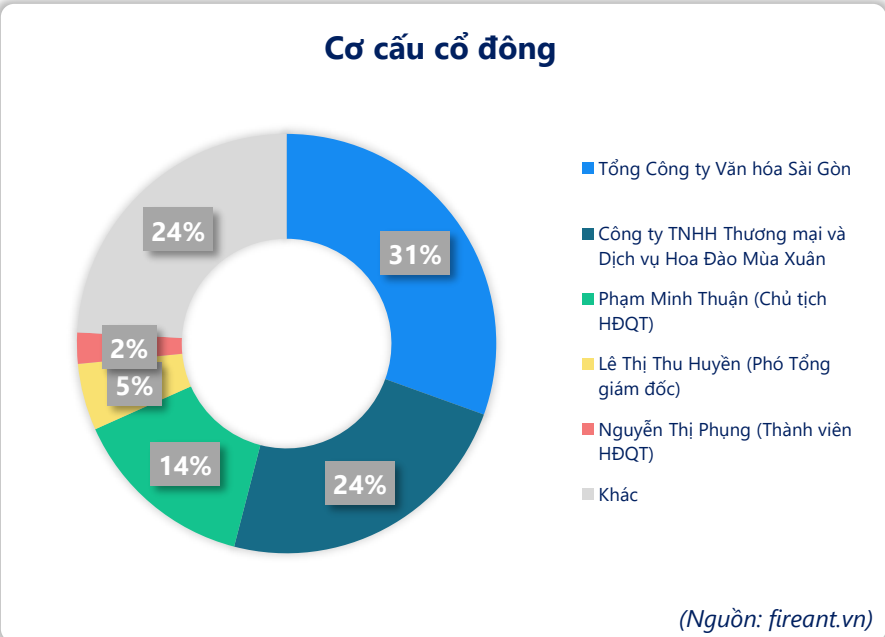
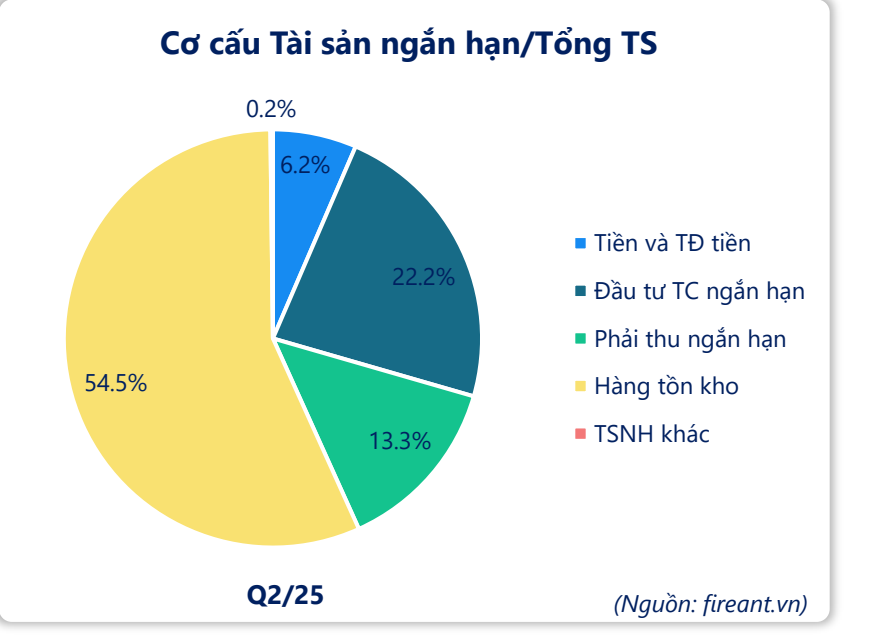
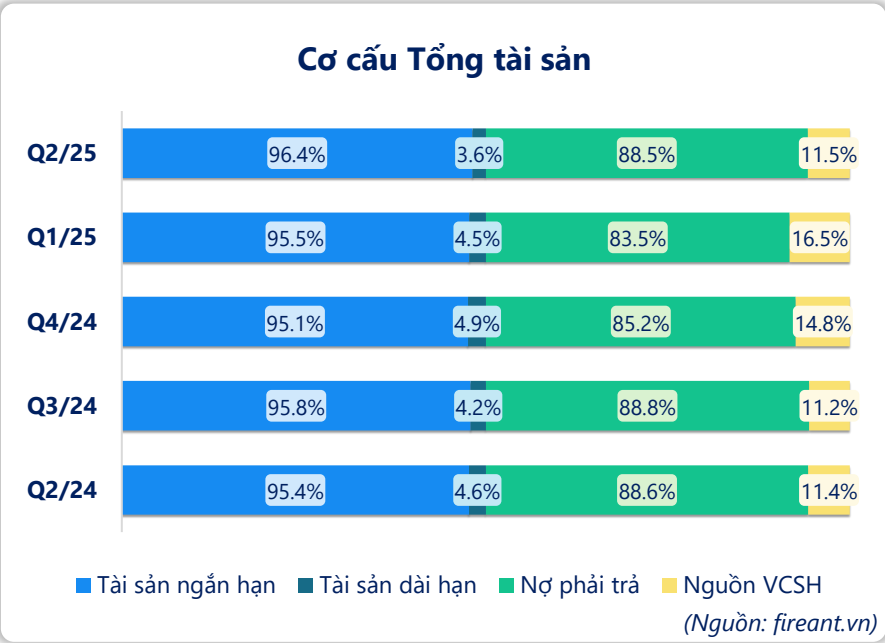
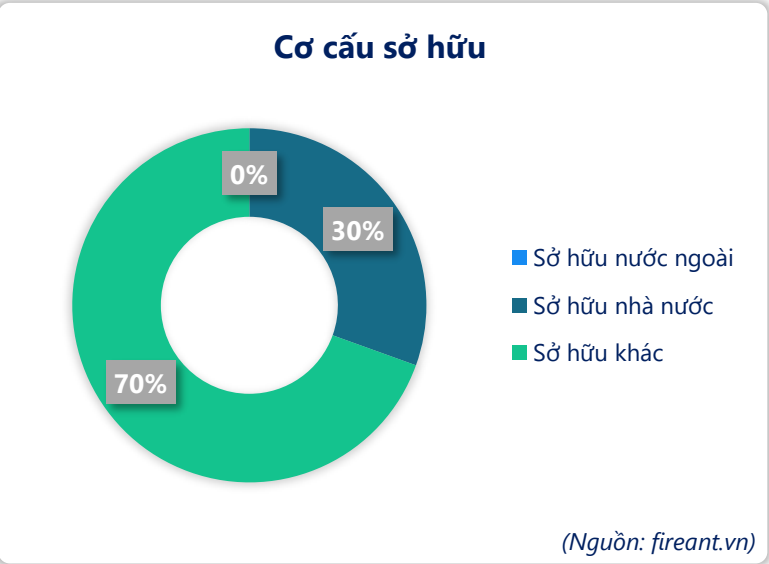
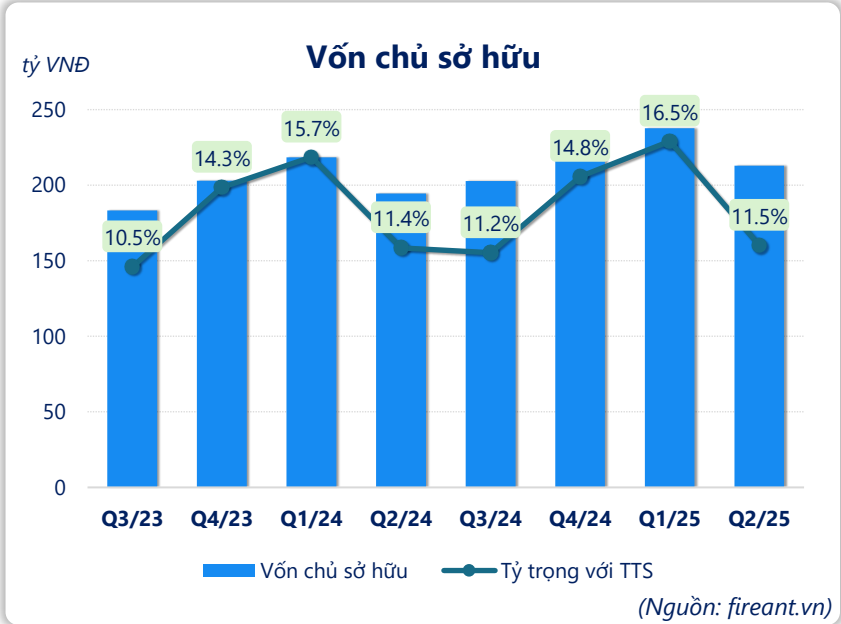
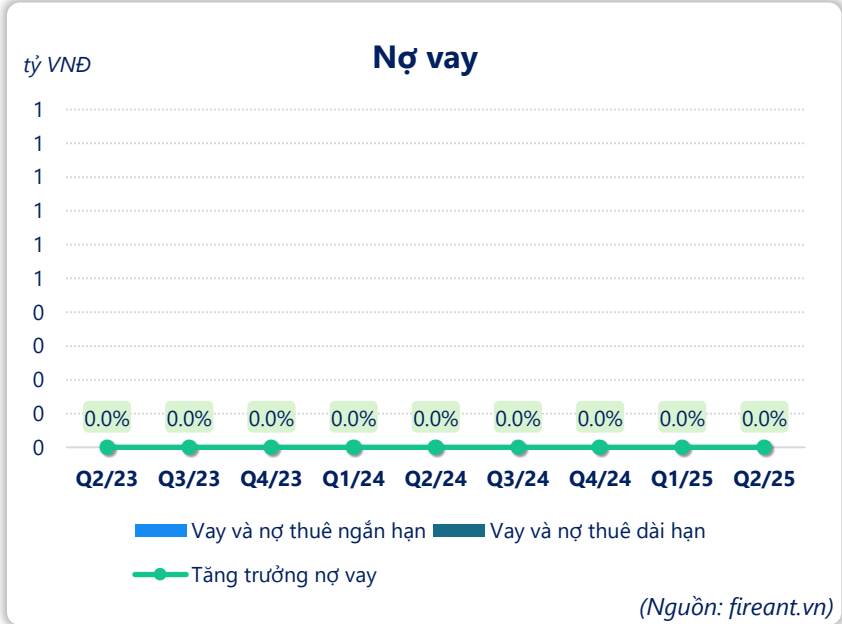
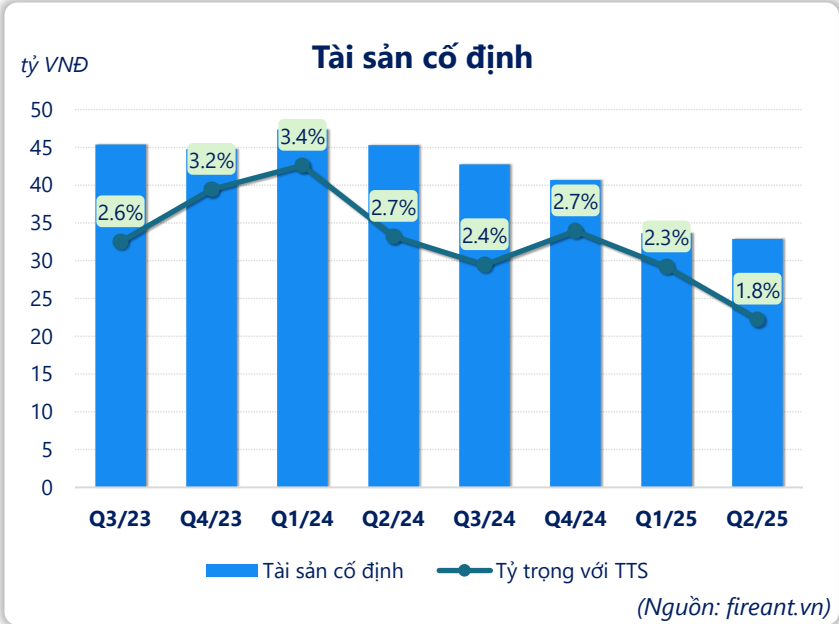
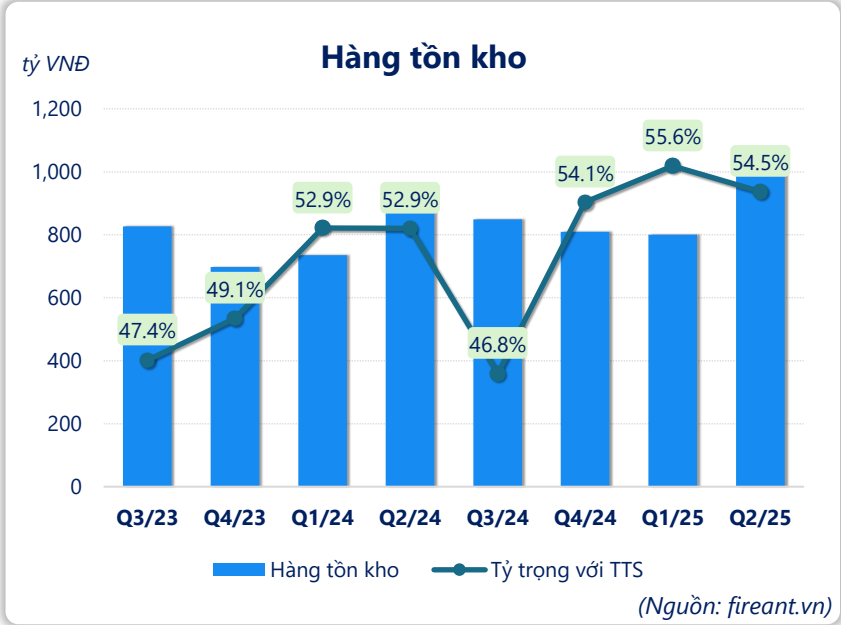
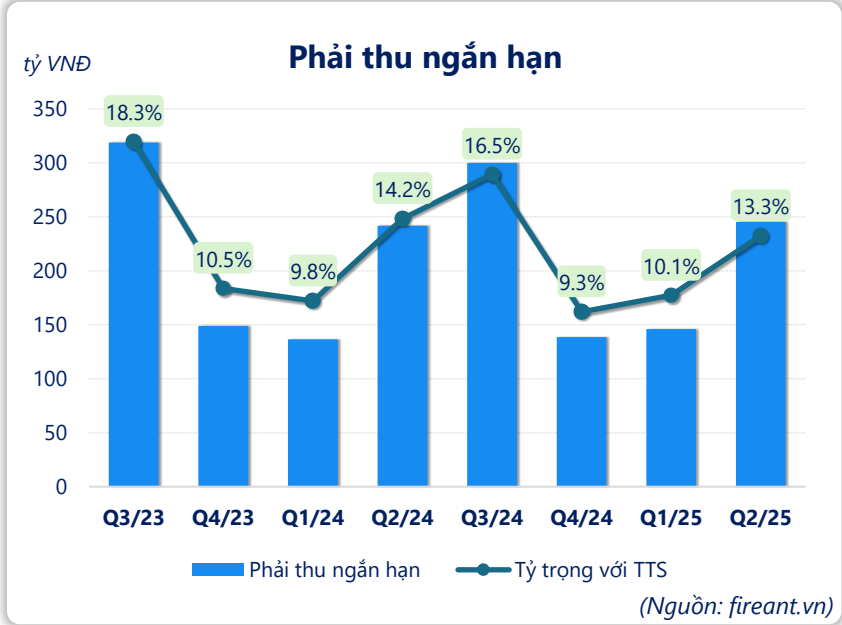
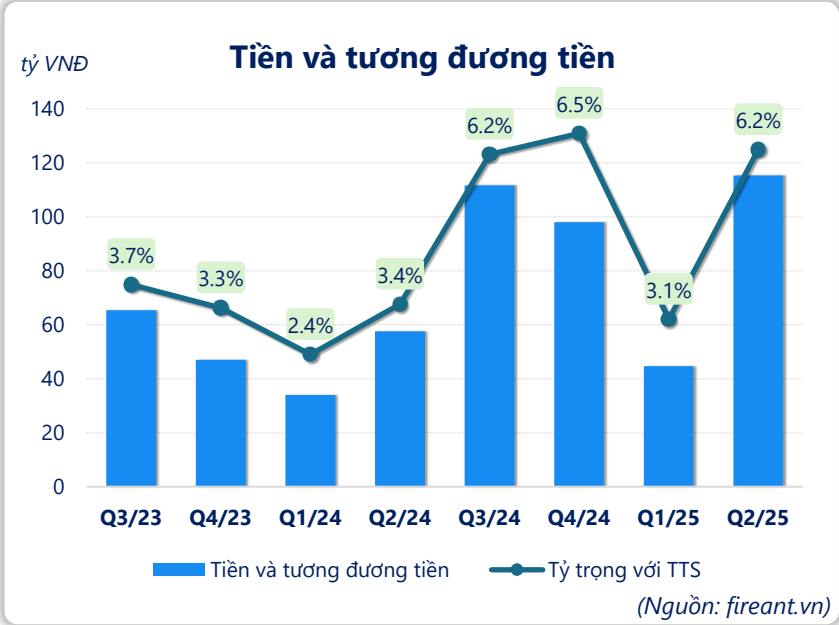
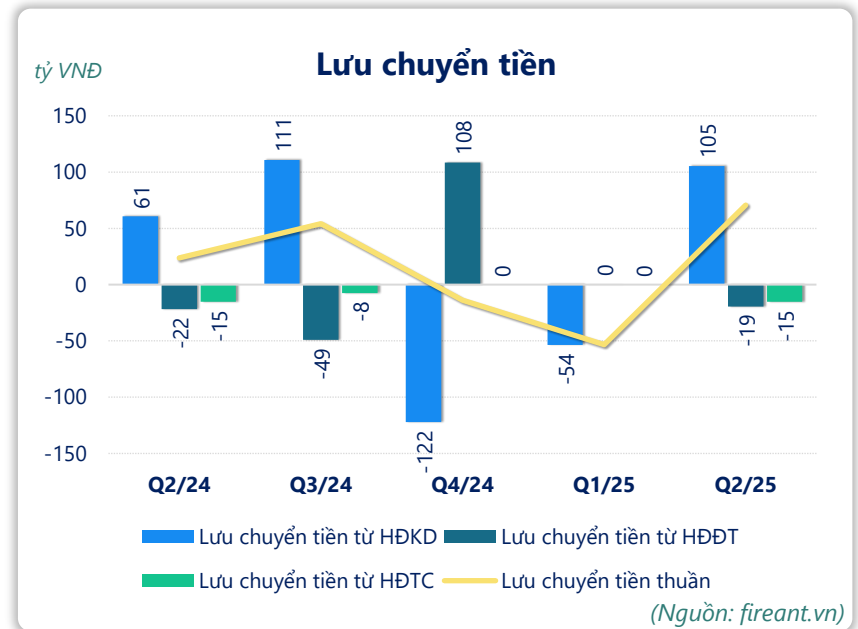
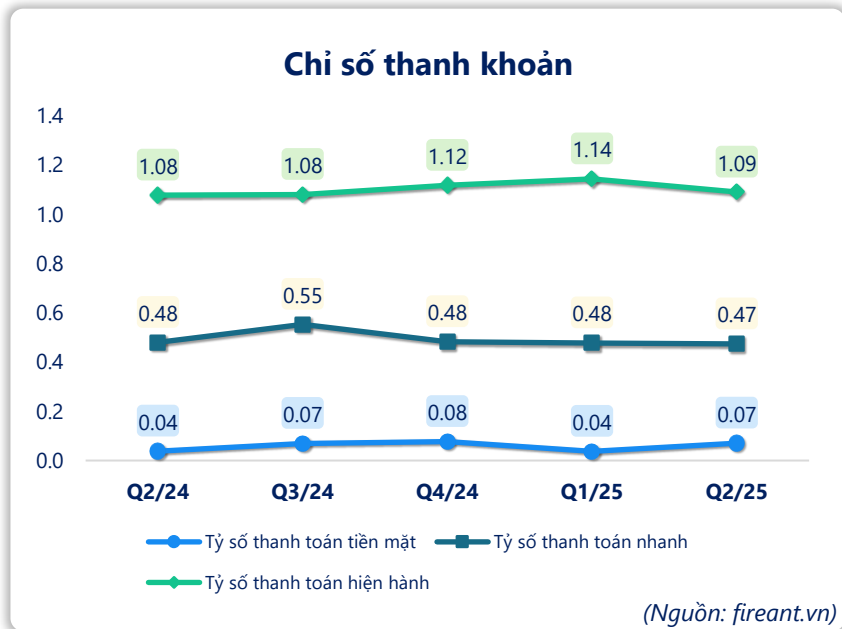
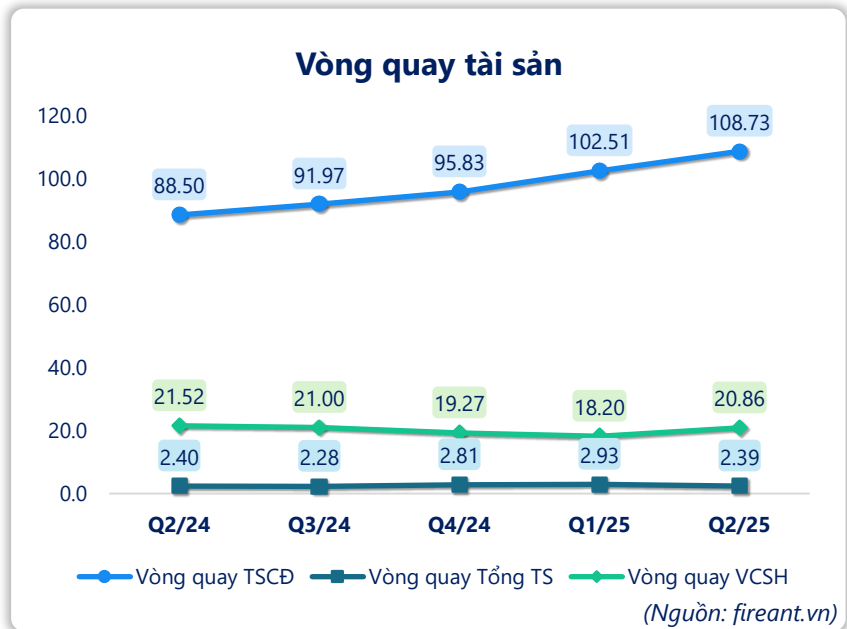
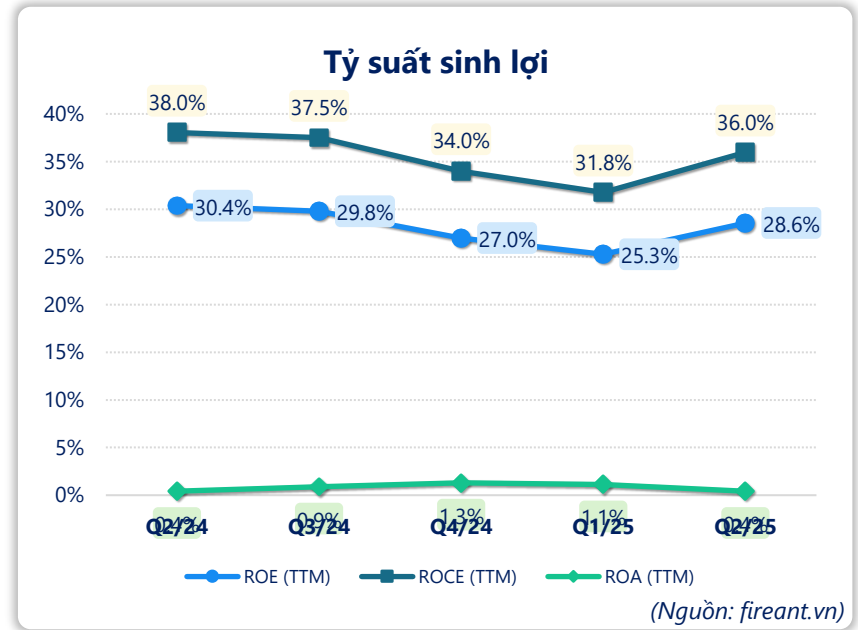
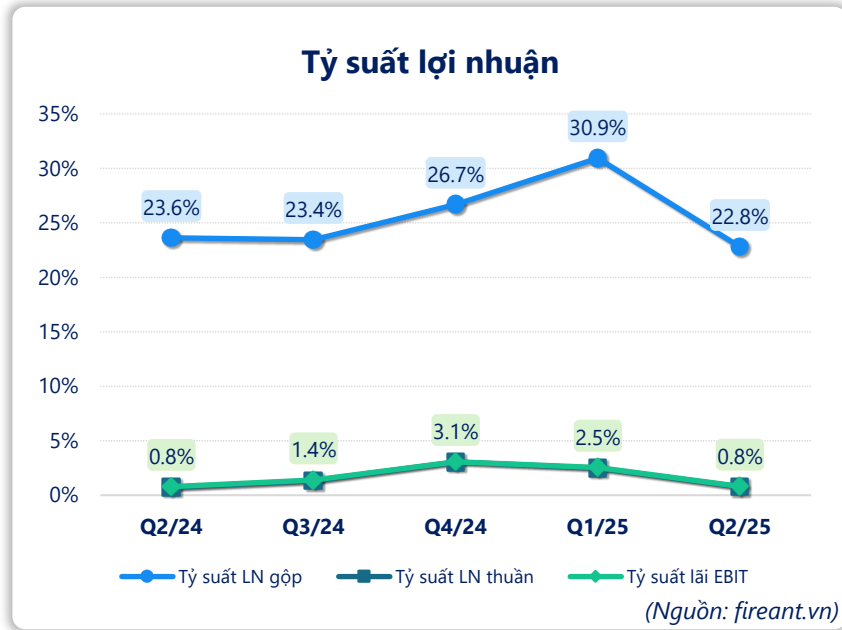
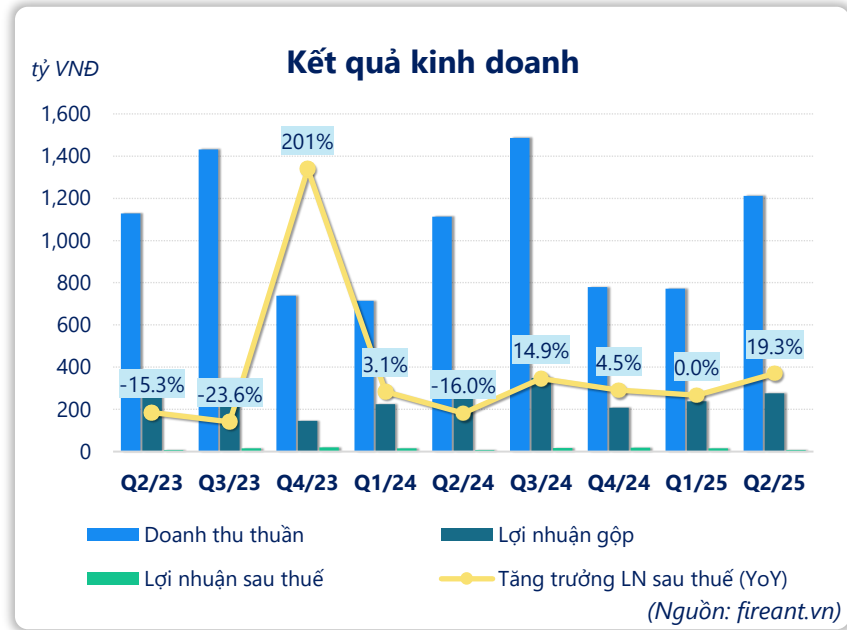


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,291
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,531
SL cổ phiếu LH		12,751,462
KLGD BQ 20 phiên (CP)		165
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		434
P/E		7.5
EPS		4,563

	YTD	1T	3T	6T
FHS	6.6%	38.6%	-1.6%	6.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,846	1,497	23.3%
Tài sản ngắn hạn	1,780	1,424	25.0%
Tiền và tương đương tiền	115	98.0	17.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	409	375	9.0%
Phải thu ngắn hạn	245	139	77.0%
Hàng tồn kho	1,006	809	24.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.46	3.05	13.4%
Tài sản dài hạn	66.8	72.9	-8.3%
Phải thu dài hạn	33.2	30.8	7.7%
Tài sản cố định	32.9	40.7	-19.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.77	1.43	-46.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,633	1,275	28.1%
Nợ ngắn hạn	1,633	1,275	28.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,471	1,125	30.8%
Nợ dài hạn	0.57	0.57	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	213	222	-4.0%
Vốn chủ sở hữu	213	222	-4.0%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,113	1,486	780	772	1,212
Giá vốn hàng bán	850	1,138	572	533	936
Lợi nhuận gộp	263	348	208	239	276
Doanh thu HĐTC	2.42	8.20	7.20	7.51	2.92
Chi phí TC	0.14	0.01	0.09	0.07	0.08
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	225	299	177	205	237
Chi phí QLDN	32.0	37.6	14.1	22.6	33.1
LN thuần từ HĐKD	8.15	19.9	23.8	19.0	9.38
Lợi nhuận khác	0.61	0.58	0.11	0.59	0.31
LN trước thuế	8.76	20.5	23.9	19.6	9.70
Lợi nhuận sau thuế	7.01	16.4	18.8	15.8	7.65
LNST của CĐ cty mẹ	7.04	15.9	19.0	15.8	7.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	60.6	111	-122	-53.7	105
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.7	-49.0	108	0.38	-19.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.3	-7.65	0	0	-15.3
Tiền đầu kỳ	34.0	57.6	112	98.0	44.7
Lưu chuyển tiền thuần	23.6	54.0	-13.7	-53.3	70.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	57.6	112	98.0	44.7	115

(Nguồn: fireant.vn)